

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 02/2024/LĐ - ST
Ngày: 14 – 03 – 2024
V/v: Tranh chấp về hợp đồng
lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Hồng Diễm Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhân – Nguyên trưởng phòng y tế thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Thắm – Nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở thuộc Trung tâm y tế thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST-LĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-LĐ ngày 23/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1985; trú tại: Tổ 2, ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

- Bị đơn: Công ty Cổ phần C; địa chỉ trụ sở: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông LIN CHEN C – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần C: Bà Đoàn Thị Trúc L, sinh năm 1985; địa chỉ liên hệ: Tổ 12, khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/01/2024), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thị xã B, tỉnh

Bình Dương; địa chỉ: Phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng K – Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thị xã B: Ông Nguyễn Huỳnh B, sinh năm 1991; địa chỉ liên hệ: Phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2024), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà **Trần Thị M** trình bày:

Bà M làm việc tại công ty TNHH E. Nơi làm việc là Lô E, khu công nghiệp V, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương và được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2007 đến 06/2022. Sau khi nghỉ việc, bà M đến bảo hiểm xã hội thị xã B để thực hiện thủ tục nhận tiền bảo hiểm, lúc này bà mới được biết **Công ty Cổ phần C**; địa chỉ trụ sở: **Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương** đồng thời tham gia bảo hiểm xã hội cho bà qua từ tháng 10/2009 đến tháng 08/2012 do đó bị trùng. Bà khẳng định, từ tháng 10/2009 đến tháng 08/2012, bà chỉ làm việc tại công ty TNHH E và không làm việc tại **Công ty Cổ phần C** nên bà không rõ lý do vì sao lại có sự việc này. Nay bà M yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng lao động ký kết trong thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho bà qua từ tháng 10/2009 đến tháng 08/2012 giữa bà **Trần Thị M** với **Công ty Cổ phần C**. Bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu. Bà rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy sổ bảo hiểm số 7409275991 tại Bảo hiểm xã hội B, tỉnh Bình Dương.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn **Công ty Cổ phần C** – do bà **Đoàn Thị Trúc L** đại diện trình bày:

Công ty Cổ phần C xác nhận vào thời điểm từ tháng 10/2009 đến tháng 08/2012, phía công ty có tuyển dụng và nhận được hồ sơ xin tuyển dụng của người lao động có thông tin: Trần Thị M, sinh năm: 1985; CMND 341587615 do Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 11/7/2007. Phía công ty có ký kết hợp đồng lao động và nhận vào làm việc, tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời gian làm việc tại công ty từ tháng 10/2009 đến tháng 08/2012. Sau đó người lao động nghỉ việc. Do thời gian đã lâu và qua nhiều lần thay thế nhân sự phụ trách lưu kho, sổ sách nên hồ sơ của người lao động phía công ty không còn lưu trữ. Đến nay, phía công ty xác nhận, không xác định được người lao động thực tế đã làm việc tại công ty có đúng với người lao động có thông tin thể hiện trong hợp đồng lao động hay không. Đến khi công ty nhận được thông báo thụ lý vụ án số 03 ngày 03/01/2024 của Tòa án thì công ty mới biết có sự trùng sổ bảo hiểm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công ty xin trình bày toàn bộ nội dung liên quan đến hồ sơ của người lao động có tên Trần Thị M.

Đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 08/2012 giữa bà Trần Thị M với Công ty Cổ phần C là vô hiệu thì Công ty Cổ phần C không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[1.2] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty Cổ phần C và bà Trần Thị M. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần C thừa nhận có Hợp đồng nhưng thời gian đã lâu nên thất lạc. Như vậy có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty Cổ phần C và người lao động có thông tin Trần Thị M. Đây là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy: Khoảng từ tháng 8/2007 đến 06/2022, bà Trần Thị M và công ty TNHH E có ký kết hợp đồng lao động và bà làm việc tại Công ty từ tháng 8/2007 đến 06/2022 thì nghỉ, được công ty tham gia BHXH, BHYT đầy đủ, phía Công ty nơi bà M làm việc cũng xác nhận nội dung đúng như bà M trình bày. Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà M được thể hiện đầy đủ tại sổ bảo hiểm xã hội số số: 9107166955.

Bị đơn Công ty Cổ phần C xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Trần Thị M và có tham gia BHXH, BHTN cho người lao động từ tháng 10/2009 đến tháng 08/2012, sau đó chấm dứt việc làm. Hiện hồ sơ công ty không còn lưu giữ, cũng không xác định được người làm việc

trên thực tế có đúng với thông tin của người lao động trong hồ sơ xin việc hay không.

Như vậy, **Công ty Cổ phần C** và công ty TNHH E cùng tham gia bảo hiểm xã hội cho bà M từ tháng 10/2009 đến tháng 08/2012. Tuy nhiên, thực tế bà M chỉ làm việc tại công ty TNHH E, không làm việc tại **Công ty Cổ phần C**. Do đó, hợp đồng ký kết giữa bà Trần Thị M và **Công ty Cổ phần C** vô hiệu do vi phạm quy định tại Điều 122 và điểm b, c khoản 1 Điều 117.

[2.2] Hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu được xác định theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn đều không xác định được người đã có thời gian thực tế làm việc tại **Công ty Cổ phần C** nên không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

[2.2] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng 127; 131 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M, về việc “tranh chấp về hợp đồng lao động” với bị đơn **Công ty Cổ phần C**.

Tuyên bố, Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Trần Thị M và **Công ty Cổ phần C** từ tháng 10/2009 đến tháng 08/2012, vô hiệu.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị M đối với bị đơn **Công ty Cổ phần C** về việc yêu cầu về việc hủy sổ bảo hiểm số 7409275991 tại Bảo hiểm xã hội B, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự
- Lưu: HSVA, VT.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Diễm Phúc